TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 3 - 2024
V/v tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Phước Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Chiều;

Bà Phạm Thị Bích Ly.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Thanh Quốc - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33D/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Thu B (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Việt T (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Việt T có tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến nay nhưng không

đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới anh chị chung sống tại ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì anh chị sống rất vui vẻ, hạnh phúc nhưng thời gian về sau giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn không ai biết, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân và chị B cảm thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh T được nữa.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/3/2004 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 06/7/2013.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu B yêu cầu Toà án không công nhận chị B và anh Nguyễn Việt T là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Trần Thị Thu B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 06/7/2013, chị Ba k yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/3/2004 đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản: Chị Trần Thị Thu B và anh Nguyễn Việt T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Trần Thị Thu B xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Việt T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bị đơn anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị B. Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn anh T để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh T vắng mặt đồng thời nguyên đơn chị B đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn anh Nguyễn Việt T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại

phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thu B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án triệu tập hợp lệ nguyên đơn chị Trần Thị Thu B để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng chị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của nguyên đơn chị Trần Thị T1 Ba không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Trần Thị Thu B.

- Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Việt T đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, anh T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Việt T.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Việt T cư trú tại ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Trần Thị Thu B và anh Nguyễn Việt T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 2003, đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì anh chị phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, mâu thuẫn ngày càng nhiều. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc, hiện nay anh chị đã không còn chung sống với nhau. Xét thấy, chị B và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác, theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị Quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội thì quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Thu B và anh Nguyễn Việt T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/3/2004 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 06/7/2013. Chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, chị Ba k yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/3/2004 đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, từ khi chị B và anh T không còn chung sống với nhau thì cháu Q sống chung với chị B, do chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, Tòa án có ghi ý kiến cháu Q, cháu có nguyện vọng sống chung với chị B, điều kiện chăm sóc của chị B thuận lợi hơn anh T, nhằm ổn định cuộc sống cho cháu Q về mặt vật chất cũng như tinh thần. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đỗ Thiên P, sinh ngày 27/5/2014 cho chị B nuôi dưỡng đến khi cháu Q đủ 18 (Mười tám) tuổi.

[5] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu B và anh Nguyễn Việt T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Trần Thị Thu B xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị T1 Ba phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 7, 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Thu B và anh Nguyễn Việt T là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 06/7/2013 cho chị Trần Thị Thu B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Q đủ 18 (mười tám) tuổi, anh Nguyễn Việt T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Việt T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Đối với con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/3/2004 đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu B và anh Nguyễn Việt T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Thu B xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T1 Ba phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003402 ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Trần Thị Thu B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đoàn Phước Đạt